



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
(đã được kiểm toán)

A member of  International

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 29
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 24 tháng 12 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tổng Luận	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Bắc	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Ninh	Ủy viên
Ông Trần Văn Quế	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Toàn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Bắc	Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đoàn Như Thương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên
Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

**Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc**  
Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Giám đốc

**Nguyễn Xuân Bắc**

Giám đốc

Bắc Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2016

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được lập ngày 18 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

البيان  
المستقل  
التدقيق  
لشركة  
ه.ف.ح.ه.ب

**Vấn đề khác**

Tại thời điểm 31/12/2015, Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 9,85 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến 31/12/2015 là 14,82 tỷ đồng. Những điều này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể cân đối được dòng tiền để thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do ảnh hưởng của vấn đề Công ty đang ghi nhận tăng thu nhập khác thay vì ghi giảm giá trị đầu tư cho khoản thu phạt nhà thầu theo hợp đồng EPC do chậm tiến độ và không đạt thông số đảm bảo của "Dự án công trình dây chuyền sản xuất nước oxy già công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50%" với số tiền là 3.315.038.851 đồng.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Nguyễn Quốc Dũng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0285-2013-002-1

**Vũ Xuân Tùng**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1942-2013-002-1



Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2016



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>108.966.875.999</b>	<b>119.321.964.233</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>21.860.978.379</b>	<b>21.532.813.602</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	5.000.242.563	5.010.560.836
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		168.225.990	3.493.090
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	258.477.374	349.838.756
314	4. Phải trả người lao động		1.031.847.580	1.038.206.945
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	558.803.000	436.656.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	871.148.872	2.404.675.255
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	9	13.952.260.000	12.163.254.720
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		19.973.000	126.128.000
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>87.105.897.620</b>	<b>97.789.150.631</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	9	87.105.897.620	97.789.150.631
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>74.676.837.229</b>	<b>84.103.277.598</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>14</b>	<b>74.676.837.229</b>	<b>84.103.277.598</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		84.000.000.000	84.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		84.000.000.000	84.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.501.266.000	5.501.266.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(14.824.428.771)	(5.397.988.402)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(5.397.988.402)	(5.898.895.313)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(9.426.440.369)	500.906.911
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>183.643.713.228</b>	<b>203.425.241.831</b>



*(Handwritten signature)*

*(Handwritten signature)*



Thân Thị Hà  
 Người lập

Lê Anh Tuấn  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Bắc  
 Giám đốc

Bắc Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2016



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	58.751.613.229	68.875.031.559
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		58.751.613.229	68.875.031.559
11	4. Giá vốn hàng bán	16	44.535.131.993	52.317.050.223
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.216.481.236	16.557.981.336
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	40.367.388	210.620.731
22	7. Chi phí tài chính	18	17.169.665.476	11.532.158.174
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		7.067.565.924	8.502.810.571
25	8. Chi phí bán hàng	19	2.591.287.267	4.020.145.210
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	4.151.717.735	4.028.568.449
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.655.821.854)	(2.812.269.766)
31	11. Thu nhập khác	21	234.460.403	3.316.071.074
32	12. Chi phí khác		5.078.918	2.894.397
40	13. Lợi nhuận khác		229.381.485	3.313.176.677
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(9.426.440.369)	500.906.911
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(9.426.440.369)	500.906.911
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	(1.122)	60

*(Handwritten signature)*

*(Handwritten signature)*



Thân Thị Hà  
 Người lập

Lê Anh Tuấn  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Bắc  
 Giám đốc

Bắc Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2016

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(9.426.440.369)	500.906.911
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		13.271.952.250	13.149.558.671
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		10.102.099.552	1.775.099.023
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(267.912.843)	(210.620.731)
06	- Chi phí lãi vay		7.067.565.924	8.502.810.571
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20.747.264.514	23.717.754.445
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.782.056.379	721.641.054
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		755.260.832	(2.169.788.766)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.352.613.703)	(5.343.707.142)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	4.424.967.985
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.067.565.924)	(8.664.808.178)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	200.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(106.155.000)	(42.500.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		15.758.247.098	12.643.759.398
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(345.454.545)	(4.654.245.710)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		227.545.455	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		40.367.388	210.620.731
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(77.541.702)	(4.443.624.979)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		24.457.073.555	47.192.098.156
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(39.063.550.775)	(70.633.482.071)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.071.800)	(3.240.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(14.608.549.020)	(23.444.623.915)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.072.156.376	(15.244.489.496)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.786.544.823	20.031.034.319
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	5.858.701.199	4.786.544.823

Thân Thị Hà  
Người lập

Lê Anh Tuấn  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Bắc  
Giám đốc

Bắc Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2015

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 24 tháng 12 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 84.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 84.000.000.000 đồng; tương đương 8.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và buôn bán hóa chất, cụ thể H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>
- Đại lý mua, bán, ký gửi phân bón phục vụ nông nghiệp.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.



### 2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 29.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

11105  
CÔNG TY  
NHIỆM VỤ  
KIỂM  
AAS  
KIỂM

## 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm



#### 2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



## 2.16 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

111105  
CÔNG TY  
KIỂM HỮU  
KIỂM TÀI  
ASC  
KIỂM - TP.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	92.972.082	184.170.640
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.765.729.117	4.602.374.183
	<b>5.858.701.199</b>	<b>4.786.544.823</b>

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng</b>		
- Công ty TNHH Trần Lê Anh	295.425.150	590.720.100
- Công ty Cổ phần Pentaco Việt Nam	7.469.000	-
- Công ty Cổ phần ứng dụng kỹ thuật Kukjea Việt Nam	2.922.400	2.130.000
- Cty TNHH Hóa chất Tân Phú Cường	40.000	537.140.250
- Công ty TNHH Hoá chất và Môi trường Vũ Hoàng	-	1.423.383.600
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Sản xuất Hóa chất Đắc Trường Phát	-	334.576.900
- Công ty Cổ phần Khí Công nghiệp Long Biên	-	10.623.500
- Công ty TNHH An Hòa	800	800
	<b>305.857.350</b>	<b>2.898.575.150</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	305.857.350	2.898.575.150
	<b>305.857.350</b>	<b>2.898.575.150</b>

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	88.670.890	-
Tạm ứng	110.900.000	-	113.200.000	-
Phải thu khác	27.863.865	-	11.540.659	-
	<b>138.763.865</b>	<b>-</b>	<b>213.411.549</b>	<b>-</b>

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	4.793.127.227	-	4.075.352.067	-
Công cụ, dụng cụ	146.781.000	-	145.781.000	-
Thành phẩm	726.093.659	-	2.200.129.651	-
	<b>5.666.001.886</b>	<b>-</b>	<b>6.421.262.718</b>	<b>-</b>



**7 . TSCĐ HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	26.054.643.113	178.675.983.127	150.000.000	170.000.000	205.050.626.240
- Mua trong năm	-	-	345.454.545	-	345.454.545
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>26.054.643.113</b>	<b>178.675.983.127</b>	<b>345.454.545</b>	<b>170.000.000</b>	<b>205.246.080.785</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	2.613.184.609	17.724.558.568	150.000.000	3.305.555	20.491.048.732
- Khấu hao trong năm	1.206.598.392	11.929.225.431	102.128.431	33.999.996	13.271.952.250
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.819.783.001</b>	<b>29.653.783.999</b>	<b>102.128.431</b>	<b>37.305.551</b>	<b>33.613.000.982</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	23.441.458.504	160.951.424.559	-	166.694.445	184.559.577.508
Tại ngày cuối năm	<b>22.234.860.112</b>	<b>149.022.199.128</b>	<b>243.326.114</b>	<b>132.694.449</b>	<b>171.633.079.803</b>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 171.257.059.240 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 53.636.364 VND

**8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư	-	4.389.870.063
	<b>-</b>	<b>4.389.870.063</b>

*Handwritten signature and stamp in red ink.*

9 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Vay ngắn hạn	1.902.294.720	1.902.294.720	24.457.073.555	26.359.368.275	-	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	10.260.960.000	10.260.960.000	13.952.260.000	10.260.960.000	13.952.260.000	13.952.260.000
	<b>12.163.254.720</b>	<b>12.163.254.720</b>	<b>38.409.333.555</b>	<b>36.620.328.275</b>	<b>13.952.260.000</b>	<b>13.952.260.000</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn	108.050.110.631	108.050.110.631	5.712.229.489	12.704.182.500	101.058.157.620	101.058.157.620
	<b>108.050.110.631</b>	<b>108.050.110.631</b>	<b>5.712.229.489</b>	<b>12.704.182.500</b>	<b>101.058.157.620</b>	<b>101.058.157.620</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(10.260.960.000)	(10.260.960.000)	(13.952.260.000)	(10.260.960.000)	(13.952.260.000)	(13.952.260.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	97.789.150.631	97.789.150.631			87.105.897.620	87.105.897.620

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

Số hợp đồng	Ngân hàng	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2015	01/01/2015
Hợp đồng tín dụng số 01/2015- HPTDHHM/NHCT2 80-HP ngày 01 tháng 10 năm 2015	Ngân hàng Công thương Bắc Giang	VND	Từ 01/01/2015 đến 15/05/2015 lãi suất 7,5%/năm, từ 16/05/2015 đến 31/12/2015 lãi suất 6,5%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất hydrogen peroxide	VND -	VND 1.125.294.720
Hợp đồng hạn mức số 152/14/HM/BG ngày 9 tháng 01 năm 2015	Ngân hàng Ngoại thương Bắc Giang	VND	Từ 01/01/2015 đến 14/08/2015 lãi suất 7%/năm, từ 15/08/2015 đến 31/12/2015 lãi suất 6,5%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất hydrogen peroxide	-	VND 777.000.000
					-	1.902.294.720

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

Số hợp đồng	Thời gian đáo hạn	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2015	01/01/2015
0001-018-01/HPTD tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang ngày 15/07/2010	07/09/2020	USD	Từ 01/01/2015 - 06/05/2015 lãi suất 6,5%/năm ; Từ 07/05/2015 đến 31/12/2015 lãi suất 6%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất hydrogen peroxide	VND 50.554.492.660	VND 55.577.613.383
01/10/DTDA/BG tại ngân hàng ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang ngày 15/07/2010	07/09/2020	USD	Từ 01/01/2015 - 07/06/2015 lãi suất 6,5%/năm ; Từ 08/06/2015 đến 31/12/2015 lãi suất 6%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất hydrogen peroxide	50.503.664.960	52.472.497.248

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

101.058.157.620	108.050.110.631
(13.952.260.000)	(10.260.960.000)
<b>87.105.897.620</b>	<b>97.789.150.631</b>

**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	4.974.815.563	4.974.815.563	4.603.753.336	4.603.753.336
- Công ty TNHH rượu Nước giải khát HaBa	25.427.000	25.427.000	6.413.000	6.413.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Nano ứng dụng	-	-	371.712.000	371.712.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ an ninh 365	-	-	23.100.000	23.100.000
- Công ty cổ phần EJC	-	-	5.582.500	5.582.500
	<b>5.000.242.563</b>	<b>5.000.242.563</b>	<b>5.010.560.836</b>	<b>5.010.560.836</b>
<b>b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán</b>				
- Phải trả người bán ngắn hạn	5.000.242.563	5.000.242.563	5.010.560.836	5.010.560.836
	<b>5.000.242.563</b>	<b>5.000.242.563</b>	<b>5.010.560.836</b>	<b>5.010.560.836</b>
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)	4.974.815.563	4.974.815.563	4.603.753.336	4.603.753.336

**11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	346.755.405	5.335.221.986	5.423.520.307	258.457.084
Thuế thu nhập cá nhân	3.083.351	19.215.527	22.278.588	20.290
Thuế đất phi nông nghiệp	-	2.193.480	2.193.480	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các loại thuế khác	-	3.814.840	3.814.840	-
	<b>349.838.756</b>	<b>5.363.445.833</b>	<b>5.454.807.215</b>	<b>258.477.374</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí hỗ trợ vận chuyển cho khách hàng	558.803.000	436.656.000
	<b>558.803.000</b>	<b>436.656.000</b>

**13 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	14.010.680	18.328.010
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	900.000	900.000
Phải trả khách hàng tiền hỗ trợ vận chuyển	-	749.188.364
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	576.280.480	578.352.280
Vật tư nhập kho chưa thanh toán	45.819.275	718.662.795
Quỹ thưởng BGD và các quỹ công đoàn	124.166.572	131.516.572
Thù lao HĐQT, BKS, TK HĐQT	57.957.524	62.157.524
Các khoản phải trả, phải nộp khác	52.014.341	145.569.710
	<b>871.148.872</b>	<b>2.404.675.255</b>

100  
C  
TRÁCH  
HẠN  
HO

**14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
 a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	84.000.000.000	5.501.266.000	(5.898.895.313)	-	-	83.602.370.687	-	-	
Tăng vốn trong năm trước					500.906.911				
Lãi trong năm trước	84.000.000.000	5.501.266.000	(5.397.988.402)			84.103.277.598			
Số dư cuối năm trước									
Số dư đầu năm nay	84.000.000.000	5.501.266.000	(5.397.988.402)			84.103.277.598			
Lỗ trong năm nay			(9.426.440.369)			(9.426.440.369)			
Số dư cuối năm nay	84.000.000.000	5.501.266.000	(14.824.428.771)			74.676.837.229			

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015		Tỷ lệ (%)	01/01/2015		Tỷ lệ (%)
	VND	VND		VND	VND	
Vốn góp của Công ty mẹ: Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	54.230.000.000	54.230.000.000	64,56%	54.230.000.000	54.230.000.000	64,56%
Vốn góp của các cổ đông khác	29.770.000.000	29.770.000.000	35,44%	29.770.000.000	29.770.000.000	35,44%
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	9.998.000.000	9.998.000.000	11,90%	9.998.000.000	9.998.000.000	11,90%
- Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	5.600.000.000	5.600.000.000	6,67%	5.600.000.000	5.600.000.000	6,67%
- Các cổ đông khác	14.172.000.000	14.172.000.000	16,87%	14.172.000.000	14.172.000.000	16,87%
	84.000.000.000	84.000.000.000	100%	84.000.000.000	84.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	84.000.000.000	84.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	84.000.000.000	84.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	84.000.000.000	84.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	-
<b>d) Cổ phiếu</b>		
	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.400.000	8.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.400.000	8.400.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.400.000	8.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.400.000	8.400.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>e) Các quỹ công ty</b>		
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.501.266.000	5.501.266.000
	<b>5.501.266.000</b>	<b>5.501.266.000</b>
<b>15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	5.682.660.000	10.888.771.239
Doanh thu bán thành phẩm	53.068.953.229	57.986.260.320
	<b>58.751.613.229</b>	<b>68.875.031.559</b>
Trong đó: Doanh thu Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)	38.798.500	-

**16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.706.843.638	10.873.013.182
Giá vốn của thành phẩm đã bán	38.828.288.355	41.444.037.041
	<b>44.535.131.993</b>	<b>52.317.050.223</b>

**17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	40.367.388	210.620.731
	<b>40.367.388</b>	<b>210.620.731</b>

**18 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.067.565.924	8.502.810.571
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.102.099.552	3.029.347.603
	<b>17.169.665.476</b>	<b>11.532.158.174</b>

**19 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.467.255	613.013.481
Chi phí nhân công	285.608.616	345.049.774
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.999.996	3.305.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	91.884.000
Chi phí khác bằng tiền	2.267.211.400	2.966.892.400
	<b>2.591.287.267</b>	<b>4.020.145.210</b>

**20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	124.172.787	70.700.833
Chi phí nhân công	2.062.319.462	2.052.033.193
Chi phí khấu hao tài sản cố định	436.664.158	625.332.321
Thuế, phí, lệ phí	36.951.095	311.529.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	480.949.720	374.345.327
Chi phí khác bằng tiền	1.010.660.513	594.626.915
	<b>4.151.717.735</b>	<b>4.028.568.449</b>





21 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	227.545.455	-
Tiền phạt thu được	5.121.930	3.315.047.403
Thu nhập khác	1.793.018	1.023.671
	<b>234.460.403</b>	<b>3.316.071.074</b>

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(9.426.440.369)	500.906.911
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(9.426.440.369)	500.906.911
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.400.000	8.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>(1.122)</b>	<b>60</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.677.867.310	24.091.024.015
Chi phí nhân công	6.036.496.532	5.416.662.485
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.271.952.250	13.149.558.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	620.904.265	1.644.933.509
Chi phí khác bằng tiền	3.453.085.913	534.454.190
	<b>44.060.306.270</b>	<b>44.836.632.870</b>

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.858.701.199	-	4.786.544.823	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	444.621.215	-	3.111.986.699	-
	<b>6.303.322.414</b>	<b>-</b>	<b>7.898.531.522</b>	<b>-</b>



	Giá trị số kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	101.058.157.620	109.952.405.351
Phải trả người bán, phải trả khác	5.871.391.435	7.415.236.091
Chi phí phải trả	558.803.000	436.656.000
	<b>107.488.352.055</b>	<b>117.804.297.442</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.858.701.199	-	-	5.858.701.199
Phải thu khách hàng, phải thu khác	444.621.215	-	-	444.621.215
	<b>6.303.322.414</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.303.322.414</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.786.544.823	-	-	4.786.544.823
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.111.986.699	-	-	3.111.986.699
	<b>7.898.531.522</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.898.531.522</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Vay và nợ	13.952.260.000	87.105.897.620	-	101.058.157.620
Phải trả người bán, phải trả khác	5.871.391.435	-	-	5.871.391.435
Chi phí phải trả	558.803.000	-	-	558.803.000
	<b>20.382.454.435</b>	<b>87.105.897.620</b>	<b>-</b>	<b>107.488.352.055</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Vay và nợ	12.163.254.720	97.789.150.631	-	109.952.405.351
Phải trả người bán, phải trả khác	7.415.236.091	-	-	7.415.236.091
Chi phí phải trả	436.656.000	-	-	436.656.000
	<b>20.015.146.811</b>	<b>97.789.150.631</b>	<b>-</b>	<b>117.804.297.442</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

**25 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**a) Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	24.457.073.555	47.192.098.156

**b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	(39.063.550.775)	(70.633.482.071)

**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Do hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ tập trung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh H2O2 và chỉ phát sinh tại tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	Công ty mẹ	38.798.500	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	Công ty mẹ	4.974.815.563	4.603.753.336

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	727.611.753	763.867.721

29 . SỔ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
		VND			VND	VND
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>						
131	Phải thu của khách hàng	2.898.575.150	131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.898.575.150	-
132	Trả trước cho người bán	156.000.020	132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	156.000.020	-
135	Các khoản phải thu khác	100.211.549	136	Phải thu ngắn hạn khác	213.411.549	113.200.000
158	Tài sản ngắn hạn khác	113.200.000	155	Tài sản ngắn hạn khác	-	(113.200.000)
311	Vay và nợ ngắn hạn	12.163.254.720	320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12.163.254.720	-
312	Phải trả người bán	5.010.560.836	311	Phải trả người bán ngắn hạn	5.010.560.836	-
313	Người mua trả tiền trước	3.493.090	312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.493.090	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	349.838.756	313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	349.838.756	-
315	Phải trả người lao động	1.038.206.945	314	Phải trả người lao động	1.038.206.945	-
316	Chi phí phải trả	436.656.000	315	Chi phí phải trả ngắn hạn	436.656.000	-
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.404.675.255	319	Phải trả ngắn hạn khác	2.404.675.255	-
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	126.128.000	322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	126.128.000	-
334	Vay và nợ dài hạn	97.789.150.631	338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	97.789.150.631	-
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	84.000.000.000	411	Vốn góp của chủ sở hữu	84.000.000.000	-
417	Quỹ đầu tư phát triển	4.125.950.000	411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	84.000.000.000	84.000.000.000
418	Quỹ dự phòng tài chính	1.375.316.000	418	Quỹ đầu tư phát triển	5.501.266.000	1.375.316.000
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(5.397.988.402)	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(5.397.988.402)	-
			421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	(5.898.895.313)	(5.898.895.313)
			421b	LNST chưa phân phối năm nay	500.906.911	500.906.911

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc  
Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
-------	---------------	---------	-------	---------------	---------	----------

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

24 Chi phí bán hàng 4.020.145.210

25 Chi phí quản lý doanh nghiệp 4.028.568.449

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

25 Chi phí bán hàng 4.020.145.210

26 Chi phí quản lý doanh nghiệp 4.028.568.449

Thân Thị Hà  
Người lập

Lê Anh Tuấn  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Bắc  
Giám đốc  
Bắc Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2016



# HÃNG KIỂM TOÁN AASC

## **AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH**

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973

E: [aaschn@hn.vnn.vn](mailto:aaschn@hn.vnn.vn)

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

## **AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH**

T: (84) 8 3848 5983 - (84) 8 3848 5776 | F: (84) 8 3547 1838

E: [aaschcm@aasc.com.vn](mailto:aaschcm@aasc.com.vn)

A: Số 17 Sông Thương, Phường 2, Quận Tân Bình, Hồ Chí Minh

## **AASC TẠI QUẢNG NINH**

T: (84) 33 3627 571 | F: (84) 33 3627 572

E: [aascqn@aasc.com.vn](mailto:aascqn@aasc.com.vn)

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh